



# MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK HO CHI MINH CITY BRANCH

## GIẤY ĐỀ NGHỊ VÀ HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN (DÀNH CHO KHÁCH HÀNG KHÔNG PHẢI CÁ NHÂN) APPLICATION AND AGREEMENT FOR OPENING ACCOUNT (NON-INDIVIDUAL)

Ngày/tháng/năm (Date): \_\_\_\_\_ SỐ HỢP ĐỒNG / AGREEMENT NO.: \_\_\_\_\_

SỐ HSKH/CUST. ID NO.: \_\_\_\_\_ SỐ TÀI KHOẢN/CUST. ACC NO.: \_\_\_\_\_

Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd chi nhánh TP. Hồ Chí Minh mở tài khoản cho chúng tôi theo các thông tin sau:/

I/We would like to open account(s) at Mega International Commercial Bank Co., Ltd Ho Chi Minh City Branch based on the following information:

### THÔNG TIN CÔNG TY/COMPANY'S INFORMATION:

Tên giao dịch đầy đủ (bằng tiếng Việt):

Full trading name (in Vietnamese)

Tên giao dịch đầy đủ (bằng tiếng nước ngoài):

Full trading name (in foreign language)

Tên giao dịch viết tắt:

Abbreviated trading name

Địa chỉ trụ sở chính:

Address of head office

Địa chỉ giao dịch:

Trading address

Số điện thoại:

Tel No.

Số Fax:

Fax No.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Business areas

Số Giấy phép đầu tư/Investment License No.:

Ngày cấp Giấy phép đầu tư/Registration date of Investment License:

Giấy phép đăng ký kinh doanh/Bussiness License No.:

Ngày cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh/Registration date of Investment/Bussiness License:

Tổng vốn đầu tư (nếu có):

Investment Capital (if any)

Vốn điều lệ:

Charter Capital

Vốn pháp định (nếu có):

Legal Capital (if any)

Mã số thuế/VAT code:

Thu nhập hàng năm:

Annual Operating Income

☐ Dưới USD100,000

Below USD100,000

☐ USD100,000 ~ USD500,000

USD100,000 ~ USD500,000

☐ Trên USD500,000

Over USD500,000

### THÔNG TIN TÀI KHOẢN/ACCOUNT'S INFORMATION:

Hình thức tài khoản

Account form

☐ Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài/100% foreign company

☐ Công ty 100% vốn Việt Nam/100% Vietnamese company

☐ Khác/Others:

Loại tài khoản:

Account type

☐ TK thanh toán

Current account

☐ TK vốn

Capital account

☐ Khác

Others

Loại tiền/Currency:

☐ USD

☐ VND

☐ Khác/Others

| THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/THE COMPANY REPRESENTATIVE'S INFORMATION:                                                                               |                                                                                             |                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| Họ và Tên/Full Name:                                                                                                                                          |                                                                                             |                     |
| Giới tính/Gender: <input type="checkbox"/> Nam/Male <input type="checkbox"/> Nữ/Female                                                                        | Ngày tháng năm sinh/<br>Date Of Birth (DD/MM/YYYY):                                         |                     |
| Quốc tịch/<br>Nationality                                                                                                                                     | Các quốc tịch khác (nếu có)/<br>Other nationalities (if any)                                |                     |
| Đối tượng cư trú/Residence status: <input type="checkbox"/> Cư trú/Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú/Non-Resident                                |                                                                                             |                     |
| <input type="checkbox"/> Số hộ chiếu/Passport No.<br><input type="checkbox"/> Số CMND/ID No.<br><input type="checkbox"/> Số thẻ căn cước công dân/Citizen No. | Nơi cấp/Issue place:<br>Ngày cấp/Issue date:                                                |                     |
| Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:                                                                                                                               | Mã số thuế/VAT code:                                                                        |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người Việt Nam /Vietnamese                                                                                                | Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:                         |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:                                                     |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người nước ngoài /Foreigner                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam             |                     |
| Số điện thoại di động/<br>Mobile No.:                                                                                                                         | Số điện thoại cố định/<br>Landline telephone No.:                                           | Số Fax/<br>Fax No.: |
| Thư điện tử/Email address:                                                                                                                                    |                                                                                             |                     |
| Nghề nghiệp/Occupation:                                                                                                                                       | Chức vụ/Position:                                                                           |                     |
| THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/THE COMPANY REPRESENTATIVE'S INFORMATION:                                                                               |                                                                                             |                     |
| Họ và Tên/Full Name:                                                                                                                                          |                                                                                             |                     |
| Giới tính/Gender: <input type="checkbox"/> Nam/Male <input type="checkbox"/> Nữ/Female                                                                        | Ngày tháng năm sinh/<br>Date Of Birth (DD/MM/YYYY):                                         |                     |
| Quốc tịch/<br>Nationality                                                                                                                                     | Các quốc tịch khác (nếu có)/<br>Other nationalities (if any)                                |                     |
| Đối tượng cư trú/Residence status: <input type="checkbox"/> Cư trú/Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú/Non-Resident                                |                                                                                             |                     |
| <input type="checkbox"/> Số hộ chiếu/Passport No.<br><input type="checkbox"/> Số CMND/ID No.<br><input type="checkbox"/> Số thẻ căn cước công dân/Citizen No. | Nơi cấp/Issue place:<br>Ngày cấp/Issue date:                                                |                     |
| Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:                                                                                                                               | Mã số thuế/VAT code:                                                                        |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người Việt Nam /Vietnamese                                                                                                | Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:                         |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:                                                     |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người nước ngoài /Foreigner                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam             |                     |
| Số điện thoại di động/<br>Mobile No.:                                                                                                                         | Số điện thoại cố định/<br>Landline telephone No.:                                           | Số Fax/<br>Fax No.: |
| Thư điện tử/Email address:                                                                                                                                    |                                                                                             |                     |
| Nghề nghiệp/Occupation:                                                                                                                                       | Chức vụ/Position:                                                                           |                     |

|                                                                                                                                                               |                                                                                         |                                                              |                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>THÔNG TIN VỀ KẾ TOÁN TRƯỞNG HOẶC NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN/<br/>CHIEF ACCOUNTANT OR PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING'S INFORMATION:</b>                        |                                                                                         |                                                              |                     |
| Họ và Tên/Full Name:                                                                                                                                          |                                                                                         |                                                              |                     |
| Giới tính/Gender: <input type="checkbox"/> Nam/Male <input type="checkbox"/> Nữ/Female                                                                        |                                                                                         | Ngày tháng năm sinh/<br>Date Of Birth (DD/MM/YYYY):          |                     |
| Quốc tịch/<br>Nationality                                                                                                                                     |                                                                                         | Các quốc tịch khác (nếu có)/<br>Other nationalities (if any) |                     |
| Đối tượng cư trú/Residence status: <input type="checkbox"/> Cư trú/Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú/Non-Resident                                |                                                                                         |                                                              |                     |
| <input type="checkbox"/> Số hộ chiếu/Passport No.<br><input type="checkbox"/> Số CMND/ID No.<br><input type="checkbox"/> Số thẻ căn cước công dân/Citizen No. |                                                                                         | Nơi cấp/Issue place:<br>Ngày cấp/Issue date:                 |                     |
| Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:                                                                                                                               |                                                                                         | Mã số thuế/VAT code:                                         |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người Việt<br>Nam /Vietnamese                                                                                             | Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:                     |                                                              |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:                                                 |                                                              |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người nước<br>ngoài /Foreigner                                                                                            | Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country |                                                              |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam         |                                                              |                     |
| Số điện thoại di động/<br>Mobile No.:                                                                                                                         |                                                                                         | Số điện thoại cố định/<br>Landline telephone No. :           | Số Fax/<br>Fax No.: |
| Thư điện tử/Email address:                                                                                                                                    |                                                                                         |                                                              |                     |
| Nghề nghiệp/Occupation:                                                                                                                                       |                                                                                         | Chức vụ/Position:                                            |                     |
| <b>THÔNG TIN VỀ KẾ TOÁN TRƯỞNG HOẶC NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN/<br/>CHIEF ACCOUNTANT OR PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING'S INFORMATION:</b>                        |                                                                                         |                                                              |                     |
| Họ và Tên/Full Name:                                                                                                                                          |                                                                                         |                                                              |                     |
| Giới tính/Gender: <input type="checkbox"/> Nam/Male <input type="checkbox"/> Nữ/Female                                                                        |                                                                                         | Ngày tháng năm sinh/<br>Date Of Birth (DD/MM/YYYY):          |                     |
| Quốc tịch/<br>Nationality                                                                                                                                     |                                                                                         | Các quốc tịch khác (nếu có)/<br>Other nationalities (if any) |                     |
| Đối tượng cư trú/Residence status: <input type="checkbox"/> Cư trú/Resident <input type="checkbox"/> Không cư trú/Non-Resident                                |                                                                                         |                                                              |                     |
| <input type="checkbox"/> Số hộ chiếu/Passport No.<br><input type="checkbox"/> Số CMND/ID No.<br><input type="checkbox"/> Số thẻ căn cước công dân/Citizen No. |                                                                                         | Nơi cấp/Issue place:<br>Ngày cấp/Issue date:                 |                     |
| Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:                                                                                                                               |                                                                                         | Mã số thuế/VAT code:                                         |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người Việt<br>Nam /Vietnamese                                                                                             | Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:                     |                                                              |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:                                                 |                                                              |                     |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân là người nước<br>ngoài /Foreigner                                                                                            | Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country |                                                              |                     |
|                                                                                                                                                               | Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam         |                                                              |                     |
| Số điện thoại di động/<br>Mobile No.:                                                                                                                         |                                                                                         | Số điện thoại cố định/<br>Landline telephone No.:            | Số Fax/<br>Fax No.: |
| Thư điện tử/Email address:                                                                                                                                    |                                                                                         |                                                              |                     |
| Nghề nghiệp/Occupation:                                                                                                                                       |                                                                                         | Chức vụ/Position:                                            |                     |

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/THE AUTHORIZED PERSON'S INFORMATION:**

Họ và Tên/Full Name:

Giới tính/Gender: ☐ Nam/Male ☐ Nữ/Female

Ngày tháng năm sinh/

Date Of Birth (DD/MM/YYYY):

Quốc tịch/  
NationalityCác quốc tịch khác (nếu có)/  
Other nationalities (if any)Đối tượng cư trú/Residence status: ☐ Cư trú/Resident☐ Không cư trú/Non-Resident☐ Số hộ chiếu/Passport No.☐ Số CMND/ID No.☐ Số thẻ căn cước công dân/Citizen No.

Nơi cấp/Issue place:

Ngày cấp/Issue date:

Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:

Mã số thuế/VAT code:

☐ Cá nhân là người Việt  
Nam /Vietnamese

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:

Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:

☐ Cá nhân là người nước  
ngoài /Foreigner

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam

Số điện thoại di động/  
Mobile No.:Số điện thoại cố định/  
Landline telephone No.:Số Fax/  
Fax No.:

Thư điện tử/Email address:

Nghề nghiệp/Occupation:

Chức vụ/Position:

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/THE AUTHORIZED PERSON'S INFORMATION:**

Họ và Tên/Full Name:

Giới tính/Gender: ☐ Nam/Male ☐ Nữ/Female

Ngày tháng năm sinh/

Date Of Birth (DD/MM/YYYY):

Quốc tịch/  
NationalityCác quốc tịch khác (nếu có)/  
Other nationalities (if any)Đối tượng cư trú/Residence status: ☐ Cư trú/Resident☐ Không cư trú/Non-Resident☐ Số hộ chiếu/Passport No.☐ Số CMND/ID No.☐ Số thẻ căn cước công dân/Citizen No.

Nơi cấp/Issue place:

Ngày cấp/Issue date:

Số thị thực nhập cảnh/Visa No.:

Mã số thuế/VAT code:

☐ Cá nhân là người Việt  
Nam /Vietnamese

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Permanent residence address:

Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current address:

☐ Cá nhân là người nước  
ngoài /Foreigner

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài/Registered residence address in the foreign country

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam/Registered residence address in Vietnam

Số điện thoại di động/  
Mobile No.:Số điện thoại cố định/  
Landline telephone No.:Số Fax/  
Fax No.:

Thư điện tử/Email address:

Nghề nghiệp/Occupation:

Chức vụ/Position:

**GHI CHÚ/REMARKS:**

**Tôi (Chúng tôi) cam kết :**

- Những thông tin trên đây là đúng sự thật và tôi (chúng tôi) sẽ chịu trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn này.
- Cung cấp đầy đủ các chứng từ cần thiết khi mở tài khoản theo yêu cầu của Quý Ngân hàng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản đính kèm.
- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản do Ngân hàng Nhà nước và/ hoặc Quý Ngân hàng quy định.
- Có văn bản (kèm các giấy tờ liên quan) gửi Quý Ngân hàng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về thông tin mở tài khoản hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Quý Ngân hàng.
- Tôi (Chúng tôi) đã đọc Hợp đồng và hoàn toàn hiểu cũng như đồng ý tuân thủ các Điều khoản và Điều kiện của Ngân hàng trong việc mở tài khoản.
- Tôi (Chúng tôi) xác nhận và hiểu toàn bộ các điều khoản về việc sử dụng thông tin khách hàng và hoàn toàn đồng ý Ngân hàng được phép toàn quyền sử dụng các thông tin của khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn bằng phương thức truyền tin quốc tế), theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định của Ngân hàng.
- Chúng tôi nhận thức rằng chúng tôi phải tuyển dụng (hoặc bổ nhiệm) kế toán trưởng và cam kết rằng trong trường hợp kế toán trưởng chưa tuyển dụng (hoặc bổ nhiệm) được, và tạm thời được đại diện bởi người phụ trách kế toán, trong thời gian dưới 12 tháng và trình độ của kế toán trưởng và người phụ trách kế toán phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về bất cứ trách nhiệm, tổn thất và/hoặc tranh chấp (bao gồm nhưng không giới hạn trong tranh chấp về mẫu chữ ký) phát sinh do không bổ nhiệm kế toán trưởng.
- Tôi (chúng tôi) xác nhận đã nhận được 01 (một bản) hợp đồng từ phía Ngân hàng và Ngân hàng đã thông báo cho tôi (chúng tôi) về trang web chính thức của Ngân hàng:  
<https://wwwfile.megabank.com.tw/abroad/hochiminhcity/>
- ☐ Chúng tôi cam kết chưa mở (đã đóng) Tài khoản Vốn Đầu tư Trực tiếp tại bất kỳ ngân hàng nào khác. Chúng tôi chỉ mở Tài khoản Vốn Đầu tư Trực tiếp tại Quý Ngân hàng.
- ☐ Chúng tôi cam kết chưa mở (đã đóng) Tài khoản Vốn Đầu tư Gián tiếp tại bất kỳ ngân hàng nào khác. Chúng tôi chỉ mở Tài khoản Vốn Đầu tư Gián tiếp tại Quý Ngân hàng.

**I (We) undertake :**

- That the above information is truthful, and I (we) shall be responsible for the accuracy of all the information given in this form.
- I(We) confirm that I(We) have read, understood and agree to comply with the Bank's Terms and Conditions for Opening Account. I/We represent the Bank has notified me/us of its official.
- To provide fully necessary documents for opening account at the request of the Bank and to take full responsibility for the accuracy and truthfulness of the documents in the application file for opening account enclosed herewith.
- To strictly implement applicable laws and regulations on the opening and using account and take responsibility for any problem that potentially arises in case where I (we) fail to strictly observe regulations on the opening and using account as provided by the State bank of Viet Nam and /or the Bank.
- To send a written notice (enclosing with related documents) to the Bank for information if there is any change in the details of the account or in the seal specimen, signature specimen that were registered with the Bank.
- I(We), within a reasonable period of time, have read the Agreement and fully understood as agreed to comply with the Bank's Terms and Conditions for Opening Account.
- I(We) hereby confirm and acknowledge all terms of use of customer information and fully agree that the Bank has fully right to use customer information (including but not limited to international transmission), in accordance with the laws and/or the regulations of the Bank.
- We acknowledge that we should recruit(or appoint) the chief-accountant and commit that in case the chief-accountant hasn't recruited (or appoint ) yet, and temporarily represented by the person in charge, the period of time will be less than 12 months and the qualifications of the chief-accountant and the person in charge are in compliance with the law. The bank shall be free from any responsibility, loss and/or dispute (including but not limited to the dispute of signature sample ) arised from failing to appoint the chief-accountant.
- I(We) hereby confirm that I(We) have received the duplicate of the agreement and the Bank has notified me/us of its official website links registered as <https://wwwfile.megabank.com.tw/abroad/hochiminhcity/>
- ☐ We have not yet opened (or have closed) any Direct Investment Capital Account at any other banks. We shall have Direct Investment Capital Account at the Bank only./.
- ☐ We have not yet opened (or have closed) any Indirect Investment Capital Account at any other banks. We shall have Indirect Investment Capital Account at the Bank only./.

**Hồ sơ đính kèm/Attachment:**

- ☐ - Bản đăng ký mẫu dấu và chữ ký /Registration of "Signature Specimen Card"
- ☐ - Văn bản ủy quyền/Letter of authorization
- ☐ - Quyết định số /Decision No.
- ☐ - Khác/Others:

Chữ ký chủ tài khoản (Người đại diện hợp pháp) và dấu (nếu có)  
Signature of Account holder (Legal representative) and seal (if any)

**PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/ FOR BANK USE ONLY****Ngày mở tài khoản/Date of opening account:****Thông tin số tài khoản/Account No.**

☐ Số tài khoản bằng Ngoại tệ /Foreign Currency Account No.:

☐ Số tài khoản bằng đồng Việt Nam /Vietnamese dong Account No.:

☐ Số tài khoản Vốn Đầu tư Trực tiếp bằng Ngoại tệ:

No. of Direct Investment Capital Account in Foreign Currency

☐ Số tài khoản Vốn Đầu tư Trực tiếp bằng đồng Việt Nam:

No. of Direct Investment Capital Account in Vietnamese Dong

☐ Số tài khoản Vốn Đầu tư Gián tiếp của nhà đầu tư

nước ngoài tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam:

No. of Indirect Investment of the foreign investors in Vietnam in Vietnamese Dong

☐ Số tài khoản vay trả nợ nước ngoài:

No. of Borrowing and Repayment of Offshore Loan

**Người lập biểu/Processed by**  
(Ký tên/Signature)

**Người kiểm soát/Checked by**  
(Ký tên/Signature)

**Người phê duyệt/Approved by**  
(Ký tên hoặc dấu/Signature or stamp)

**NGÂN HÀNG MEGA INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK CO., LTD CHI  
NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

兆豐國際商業銀行胡志明市分行

**THỎA THUẬN MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

活期存款帳戶開戶協議書

Thỏa thuận số:

協議書編號：

**I. Thỏa thuận chung**

**壹、一般約定事項**

1. Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng khi mở tài khoản.

**一、開戶印鑑**

(1) Người gửi tiền mở tài khoản cần phải điền “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng”, đồng thời Người gửi tiền phải giao nộp mẫu này cho Ngân hàng; khi Người gửi tiền thực hiện các giao dịch rút nộp tiền mặt, chuyển khoản hoặc các giao dịch liên quan khác thì Người gửi tiền khi sử dụng phải chiếu theo “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng” đã đăng ký với Ngân hàng.

(一) 存戶開戶時須填具印鑑卡，並將印鑑卡交付銀行；除存戶另有指示外，有關本存款之提領、存入及其他往來事項，均以印鑑卡上之留存印鑑為憑。

(2) Người gửi tiền là tài khoản công ty, phải tuân thủ quy định pháp luật đăng ký chữ ký/mẫu dấu trong “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng”. Nếu Người gửi tiền không tuân thủ quy định phải lưu giữ “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng” Người gửi tiền phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn việc tranh chấp chữ ký) và không liên quan đến Ngân hàng.

(二) 非自然人存戶應依法令規定留存簽樣於[印鑑卡]；存戶如因未依法令規定留存簽字簽樣，所生之法律責任(包括但不限於簽字糾紛)，概由存戶負責，與銀行無涉。

2. Điều chỉnh bút toán.

**二、帳務處理**

Khi phát hiện ghi có nhầm vào tài khoản do ghi sai số tài khoản, tên tài khoản, lỗi thao tác máy tính, lỗi sự cố thiết bị hoặc các lý do khác, Ngân hàng được phép ghi nợ tài khoản để điều chỉnh bút toán, hoàn trả cho người chuyển tiền.

銀行存入他人帳戶之款項，如因誤寫帳號、戶名、金額、操作電腦錯誤、電腦設備故障或其他原因致誤存入存戶帳戶，或有多存入金額情事者，銀行得立即更正並逕自存戶帳戶內扣回；款項業經提領者，存戶應即返還之。

### 3. Trách nhiệm bảo quản.

#### 三、保管責任

(1) Khi các phiếu chuyển khoản, phiếu rút tiền, mật mã, và các chứng từ cần bảo mật của Người gửi tiền bị đánh cắp, bị mất, bị chiếm đoạt thì Người gửi tiền cần phải gọi điện thoại hoặc thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng biết, sau đó Người gửi tiền đến Ngân hàng tiến hành các thủ tục thay đổi “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng”; Tiền gửi của Người gửi tiền bị chiếm đoạt trước khi hoàn thành thủ tục báo mất, nếu người thực hiện giao dịch xuất trình các phiếu chuyển khoản, phiếu rút tiền, mật mã, có chữ ký và dấu khớp với “Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng”, Ngân hàng được phép thực hiện giao dịch và Ngân hàng không bồi thường bất kỳ thiệt hại nào do Người gửi tiền gây ra.

(一) 存戶對於存單、密碼、取款印鑑及其他約定之往來憑證等物品須分別保管，如遇被盜、遺失、滅失或其他脫離存戶占有等情事時，得先以電話或書面等方式向銀行辦理掛失止付手續，惟須再以書面方式向臨櫃辦理補發或更換印鑑手續，倘存戶帳戶內之款項於辦妥掛失止付手續前遭他人冒領者，如領款人提示之存單、密碼、印鑑簽樣及其他約定之往來憑證等真實無誤，銀行所為付款行為對存戶仍生清償效力，銀行對存戶因此所生之損害不負賠償責任。

(2) Các chứng từ chuyển khoản, phiếu rút tiền, Mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng hoặc các chứng từ đã thỏa thuận khác bị giả mạo, sửa đổi mà không nhận ra được bằng mắt thường, nhân viên Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối chiếu phù hợp thông tin thanh toán, nếu như có phát sinh tổn thất, Ngân hàng sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm liên quan.

(二) 存單、印鑑簽樣或其他約定之往來憑證等經偽造、變造或塗改而非肉眼所能辨認，如銀行已盡善良管理人之注意義務仍認為相符予以付款者，其發生之損失，銀行不負賠償之責。

### 4. Thủ tục thay đổi và hiệu lực thông tin tài khoản thanh toán.

#### 四、存戶資料變更及效力

(1) Người gửi tiền phải thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Ngân hàng khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn tên tài khoản, người đại diện pháp luật, hoặc mẫu đăng ký chữ ký, dấu khách hàng...). Nếu Người gửi tiền có bất kỳ sự thay đổi mà không thông báo cho Ngân hàng, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm. Thông tin ban đầu của tài khoản Người gửi tiền sau khi tiến hành thay đổi hoặc đóng tài khoản thì không còn hiệu lực sử dụng, nhưng các điều khoản trong thỏa thuận đã định ban đầu thì vẫn còn hiệu lực sử dụng.

(一) 存戶留存於銀行之任何資料(包括但不限於存戶名稱、組織、負責人/代表人或留存印鑑等)有變更時，應即以書面通知銀行，並辦妥變更或註銷之手續，存戶未依前述方式向銀行辦理變更手續，而銀行係不知情時，其因此所受之損失由存戶負擔。原留存資料於辦妥變更或註銷手續時同時失效，但存戶前

於銀行以各項原留存資料所定之各種契約及擔保仍屬有效。

- (2) Người gửi tiền đã hoàn thành các thủ tục thay đổi thông tin với Ngân hàng, Người gửi tiền vẫn phải tiến hành hoàn thành thủ tục thay đổi tên và các thủ tục thay đổi khác theo thỏa thuận này, nếu không Ngân hàng có quyền từ chối tiếp tục cung ứng dịch vụ cho Người gửi tiền, Ngân hàng không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự bất tiện hoặc thiệt hại gây ra bởi Người gửi tiền.

(二) 如存戶於銀行往來之其他業務已辦妥相關變更資料者，存戶仍須依本協議書辦妥存款業務之更名或其他變更手續，否則銀行有權予以拒絕繼續提供服務，如因此致存戶有任何不便或受有任何損害，銀行概不負責。

#### 5. Quy định về số dư tối thiểu.

#### 五、開戶餘額及帳戶金額維持義務

Số dư khi mở tài khoản tiền gửi không được thấp hơn số dư tối thiểu theo quy định của Ngân hàng. Trước khi Người gửi tiền tắt toán tài khoản, cần duy trì số bình quân mỗi tháng theo quy định của Ngân hàng.

存款開戶時之帳戶餘額，須不低於銀行規定之最低存入金額；帳戶未銷戶前，存戶應依銀行規定每月維持最低平均餘額。

#### 6. Lãi suất.

#### 六、利率

Lãi suất được quy đổi theo tỷ lệ %/năm, một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Công thức tính số tiền lãi của một ngày :

$$\text{Số dư thực tế} \times \frac{\text{lãi suất tính lãi}}{365}$$

Số tiền lãi của kỳ tính lãi bằng tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi. Thời điểm xác nhận số dư tài khoản để tính lãi là vào lúc 24h00 của mỗi ngày trong thời hạn tính lãi. Thời hạn tính lãi từ ngày 21 của mỗi tháng cho đến ngày 20 của tháng liền kề tiếp theo.

存款利率應以百分比(%) / 年顯示，一年以 365 日為基準。每日利息金額應以(帳戶實際餘額 x 年利率) / 365 日計算。特定期間之利息金額應為特定期間內每日利息加總之總額。帳戶餘額確定計算基準為每日 24:00。利息計算週期為前月 21 日至當月 20 日。

#### 7. Phí.

#### 七、費用

- (1) Phí quản lý tài khoản, phí chuyển khoản, phí rút tiền và các khoản phí liên quan khác: Theo biểu phí do Ngân hàng công bố theo từng thời kỳ hoặc theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng.

(一) 帳戶管理費，匯款手續費，提款手續費及其他相關費用，以銀行不時公佈或本行與存戶之間約定的費用表為收費標準。

(2) Có thể áp dụng mức phí dịch vụ hàng tháng đối với bất kỳ tài khoản nào, nếu Người gửi tiền không duy trì đủ số dư bình quân tối thiểu bắt buộc đối với tài khoản đó, và số dư bình quân tối thiểu sẽ được thông báo cho Người gửi tiền trong từng thời kỳ.

(二) 銀行應不定期通知存戶帳戶應維持之最低平均餘額，如存戶未能維持該帳戶所需的最低平均餘額，存戶應支付每月服務費。

(3) Ngoài những thỏa thuận khác được ghi rõ trong hợp đồng, Người gửi tiền đồng ý cho phép Ngân hàng ghi nợ các khoản phí phát sinh trong quá trình sử dụng tài khoản từ bất kỳ tài khoản tiền gửi nào (bao gồm nhưng không giới hạn phí quản lý hàng tháng) và Ngân hàng được phép tự quyết định thứ tự mỗi khoản ghi nợ.

(三) 除契約另有約定外，存戶同意銀行得不經由一般取款程序，逕自任一存款帳戶收取因帳戶使用所生之相關(手續)費用(包括但不限於每月服務費)等款項，且銀行得自行決定各該款項之扣款順序。

## 8. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng.

### 八、銀行扣款權利

Người gửi tiền đồng ý rằng Ngân hàng được phép chủ động ghi nợ bất kỳ khoản tiền nào mà không cần thông báo trước trong các trường hợp sau:

存戶同意銀行於下列情形無須事先通知，得逕自任一存款帳戶扣款：

(1) Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước với Người gửi tiền phù hợp với quy định của pháp luật.

(一) 依雙方書面約定、依法令或本行規定，收取銀行對存戶已到期、逾期債務及其利息或其他因書面約定、法令及本行規定所生之費用。

(2) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

(二) 依權責機關之行政決定、法院判決、執行命令、稅捐裁定書或其他依法令應予扣繳之費用。

## 9. Phương thức cung cấp thông tin số dư, chi tiết giao dịch phát sinh.

### 九、對帳單寄送

Hàng tháng Ngân hàng gửi bảng sao kê qua phương tiện điện tử (hoặc chứng từ giấy) để thông tin đầy đủ về số dư, các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán. Nếu Người gửi tiền có nghi ngờ về nội dung của bảng sao kê, trong vòng 01 tháng kể từ khi nhận được sao kê, Người gửi tiền phải thông báo cho Ngân hàng điều tra xác minh, nếu quá thời hạn quy định trên thì thông tin Ngân hàng gửi cho Người gửi tiền không có sai sót.

銀行應於每月寄送電子(或實體)對帳單載明帳戶餘額及交易紀錄，存戶如就對帳單內容有疑義時，應於對帳單資料送達後一個月內提出證明、通知銀行查明，逾期則視為銀行帳載資料無誤。

#### 10. Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Người gửi tiền trong các trường hợp:

##### 十、銀行得拒絕付款態樣

1. Người gửi tiền không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán hoặc không phù hợp với thỏa thuận giữa Người gửi tiền với Ngân hàng hoặc tài khoản thanh toán không đủ số dư; 2. Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; 3. Số dư tài khoản thanh toán đang bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ mà chưa chấm dứt lệnh phong tỏa tài khoản; 4. Ngân hàng từ chối thực hiện lệnh thanh toán khác được quy định trong hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

銀行於：1.存戶未依規定辦理存、提款作業、付款指示無效、或帳戶餘額不足；2.接獲有關當局通知或有證據顯示，付款指示涉及洗錢或其他犯罪行為；3.存款一部或全部遭暫時停止或凍結尚未解除前；或4.其他依契約或法律規定情形時，銀行得拒絕付款。

#### 11. Tài khoản thanh toán chung.

##### 十一、聯名帳戶

(1) Chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân hoặc tổ chức, việc sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản.

(一) 聯名帳戶開戶申請應依其帳戶持有人類型(個人/實體)分別適用各該規定，其管理、使用方式，除本行另有規定外，應依聯名帳戶持有人間書面協議辦理。

(2) Các chủ tài khoản thanh toán chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản thanh toán chung. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung.

(二) 聯名帳戶之權利義務，除書面另有約定外，各持有人間權利義務視為均等。各持有人對因聯名帳戶使用、管理所生之費用、債務均應連帶負責。

(3) Khi một trong các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân bị chết, bị tuyên bố đã chết, bị tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự; chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung được giải quyết theo quy định của pháp luật.

(三) 聯名帳戶持有人中一人死亡、受失蹤宣告、喪失行為能力或實體進入解散、破產或結束營業者，其權利、義務依各該法律辦理。

(4) Chứng từ (hoặc thông báo) của Ngân hàng liên quan đến việc sử dụng tài khoản thanh toán chung chỉ gửi đến một trong các chủ tài khoản chung, trừ trường hợp giữa Ngân hàng và các chủ tài khoản thanh toán chung có

thỏa thuận khác.

(四) 銀行文件(或通知)對聯名帳戶持有人中一人為送達者，除契約另有約定外，其效力及於全體。

## 12. Bảo mật thông tin Người gửi tiền, sử dụng thông tin Người gửi tiền.

### 十二、存戶資料使用及保護

(1) Căn cứ vào bản thỏa thuận này, Người gửi tiền đồng ý cho phép Ngân hàng và những người sau đây được phép thu thập, xử lý, sử dụng và truyền tải thông tin của Người gửi tiền và tư liệu của người có liên quan ra quốc tế bao gồm: 1. Cố vấn chuyên nghiệp và các người khác cung cấp dịch vụ cho Ngân hàng; 2. Trụ sở chính của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng và các chi nhánh con của chi nhánh ngân hàng; 3. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tư pháp của trụ sở chính của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng và các chi nhánh con của chi nhánh ngân hàng đặt tại nước sở tại. 4. Một bên thứ ba hoặc tổ chức mà được Ngân hàng ủy thác, ủy quyền theo quy định. 5. Hoặc những người có liên quan khác trong thỏa thuận. Khi xử lý và sử dụng các thông tin, nhân viên cần tuân thủ theo các quy định của pháp luật thực hiện.

(一) 存戶同意銀行及下列人員得依本條約定蒐集、處理、國際傳輸及利用存戶基於本協議書提供之存戶及其關係人之資料。所稱「人員」包含：1.專業顧問或其他為銀行提供服務之人；2.銀行之總行、分行、子公司；3.銀行、其總行、分行、子公司營業所在地之主管機關、司法機關；4.銀行依法委託、授權執行銀行業務之第三人或機構；5.其他依法令或契約之人員。前揭人員於處理及利用資料時，應依法令規定辦理，並遵守法令規定。

(2) Các quy định có liên quan đến việc bảo mật thông tin, sử dụng thông tin Người gửi tiền phải tuân thủ theo Nghị định số 117/2018/NĐ-CP về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan khác. Nếu tài khoản Người gửi tiền là cá nhân người mang quốc tịch Đài Loan, phải tuân thủ thêm “Đạo luật bảo mật thông tin khách hàng cá nhân” (sau đây gọi tắt là “Luật bảo mật thông tin cá nhân”).

(二) 存戶資料使用及保護相關規範，應依越南「客戶資料保護法(Số: 117/2018/NĐ-CP)」；個人資料保護法「第 13/2023/ND-CP 號決議」及銀行相關規定辦理。存戶如為台籍自然人，另適用台灣「個人資料保護法」(以下稱個資法)。

(3) Căn cứ “Luật bảo mật thông tin cá nhân”, Ngân hàng được phép thu thập, sử dụng và truyền tải thông tin của Người gửi tiền là cá nhân người mang quốc tịch Đài Loan và tư liệu của người có liên quan ra quốc tế (sau đây gọi tắt là “bảo mật thông tin cá nhân của Người gửi tiền”

1. Việc thu thập dữ liệu của Người gửi tiền là cá nhân liên quan đến quyền riêng tư của Người gửi tiền:

Khi Ngân hàng thu thập dữ liệu của Người gửi tiền, Ngân hàng cần tuân thủ theo Mục 1 điều 8 của Luật bảo mật thông tin cá nhân thực hiện và phải thông báo cho Người gửi tiền các thông tin sau:

- (1) Tên người thu thập (tức là Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co.,Ltd chi nhánh TP.HCM).
  - (2) Mục đích thu thập.
  - (3) Loại dữ liệu cá nhân.
  - (4) Thời gian, quốc gia, đối tượng và phương pháp sử dụng dữ liệu cá nhân.
  - (5) Quyền lợi và phương thức các bên có thể thực hiện theo Luật bảo mật thông tin cá nhân.
  - (6) Khi Người gửi tiền được tự do lựa chọn cung cấp dữ liệu cá nhân, việc không cung cấp sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích của họ.
2. Về mục đích thu thập dữ liệu cá nhân của Người gửi tiền, loại dữ liệu cá nhân, thời gian, quốc gia, đối tượng và phương pháp sử dụng dữ liệu cá nhân, vui lòng tham khảo trang web của ngân hàng để biết thêm chi tiết.
  3. Theo Điều 3 của Luật bảo mật thông tin cá nhân, Người gửi tiền có thể yêu cầu Ngân hàng thực hiện các quyền sau:
    - (1) Ngoại trừ các trường hợp ngoại lệ được quy định tại Điều 10, Người gửi tiền được phép yêu cầu Ngân hàng tra cứu, yêu cầu đọc và sao chép các bản sao, nhưng Ngân hàng có thể tính phí cần thiết theo quy định tại Điều 14.
    - (2) Người gửi tiền được phép yêu cầu Ngân hàng bổ sung hoặc điều chỉnh, nhưng Người gửi tiền phải giải thích chính xác lý do theo quy định chi tiết tại Điều 19 của Luật bảo mật thông tin cá nhân.
    - (3) Nếu Ngân hàng thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân của Người gửi tiền vi phạm các quy định của Luật bảo mật thông tin cá nhân, Người gửi tiền được phép yêu cầu Ngân hàng dừng việc thu thập theo quy định tại Chương 4 Điều 11.
    - (4) Theo Chương 2 Điều 11 quy định tại Luật bảo mật thông tin cá nhân, những người có tranh chấp về tính chính xác của dữ liệu cá nhân có thể yêu cầu Ngân hàng ngừng xử lý hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân của Người gửi tiền. Tuy nhiên, Ngân hàng không cần thiết phải chỉ ra các tranh chấp của mình hoặc có được sự đồng ý bằng văn bản của Người gửi tiền để thực hiện nghiệp vụ.
    - (5) Theo Chương 3 Điều 11 quy định tại Luật bảo mật thông tin cá nhân, khi mục đích của việc thu thập dữ liệu cá nhân biến mất hoặc hết hiệu lực, Người gửi tiền được phép yêu cầu Ngân hàng xóa, dừng xử lý hoặc sử dụng dữ liệu cá nhân của Người gửi tiền. Tuy nhiên, Ngân hàng không bắt buộc phải thực hiện hoặc phải có sự đồng ý bằng văn bản của Người gửi tiền.
  4. Nếu Người gửi tiền muốn thực hiện các quyền được quy định tại Điều 3 của Luật bảo mật thông tin cá nhân hoặc phương thức thực hiện, Người gửi tiền được phép liên hệ ngân hàng để biết thêm chi tiết (028-38225697) hoặc tra cứu thông qua trang web ngân hàng (<https://www.megabank.com.tw>)
  5. Ngoài các thông tin cần thiết để Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật bảo mật thông tin cá nhân, Người

gửi tiền có thể tự do lựa chọn có cung cấp dữ liệu cá nhân và loại dữ liệu cá nhân hay không, Người gửi tiền có thể từ chối cung cấp. Nếu dữ liệu cá nhân và loại dữ liệu cá nhân cung cấp là những dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá hoạt động kinh doanh, Ngân hàng có thể không tiến hành đánh giá hoặc không thể cung cấp các dịch vụ tốt hơn cho Người gửi tiền. Trong thời gian duy trì tài khoản tại Ngân hàng, nếu cá nhân yêu cầu Ngân hàng ngừng xử lý dữ liệu cá nhân thì Ngân hàng được phép chấm dứt cung cấp dịch vụ.

(三) 銀行依本條約定蒐集、處理、國際傳輸及利用自然人存戶本人基於本契約提供之個人資料（下稱「存戶個資」）：

1. 存戶個資之蒐集，涉及存戶的隱私權益

銀行向存戶蒐集存戶個資時，依據個資法第八條第一項規定，應明確告知存戶下列事項：

- (1) 蒐集者名稱（即兆豐國際商業銀行 胡志明市分行）。
- (2) 蒐集之目的。
- (3) 個人資料之類別。
- (4) 個人資料利用之期間、地區、對象及方式。
- (5) 當事人依個資法第三條規定得行使之權利及方式。
- (6) 存戶得自由選擇提供個人資料時，不提供將對其權益之影響。

2. 有關銀行蒐集存戶個資之目的、個人資料類別及個人資料利用之期間、地區、對象及方式等內容，請存戶查詢銀行網站。

3. 依據個資法第三條規定，存戶就銀行保有之存戶個資得行使下列權利：

- (1) 除有個資法第十條所規定之例外情形外，得向銀行查詢、請求閱覽或請求製給複製本，惟銀行依個資法第十四條規定得酌收必要成本費用。
- (2) 得向銀行請求補充或更正，惟依個資法施行細則第十九條規定，存戶應適當釋明其原因及事實。
- (3) 銀行如有違反個資法規定蒐集、處理或利用存戶個資，依個資法第十一條第四項規定，存戶得向銀行請求停止蒐集。
- (4) 依個資法第十一條第二項規定，個人資料正確性有爭議者，得向銀行請求停止處理或利用存戶個資。惟依該項但書規定，銀行因執行業務所必須並註明其爭議或經存戶書面同意者，不在此限。
- (5) 依個資法第十一條第三項規定，個人資料蒐集之特定目的消失或期限屆滿時，得向銀行請求刪除、停止處理或利用存戶個資。惟依該項但書規定，銀行因執行業務所必須或經存戶書面同意者，不在此限。

4. 存戶如欲行使上述個資法第三條規定之各項權利，有關如何行使之方式，得向銀行(028-38225697) 詢問或於銀行網站（網址：<https://www.megabank.com.tw/>）查詢。

5. 除銀行為履行法定義務所必要之資料外，存戶得自由選擇是否提供相關個人資料及類別，惟存戶所拒

絕提供之個人資料及類別，如果是辦理業務審核或作業所需之資料，銀行可能無法進行必要之業務審核或作業而無法提供存戶相關服務或無法提供較佳之服務。存戶於帳戶使用過程中，如請求銀行停止處理或利用臺端之個人資料，銀行得終止業務往來。

(4) Người gửi tiền đồng ý cho phép cơ quan có thẩm quyền vì mục đích phòng chống rửa tiền và phòng chống tài trợ khủng bố (bao gồm trụ sở chính và các chi nhánh ngân hàng), Ngân hàng đại lý (ngân hàng nhận tiền, ngân hàng trung gian, ngân hàng chuyển tiền) thu thập, xử lý, sử dụng hoặc truyền ra quốc tế dữ liệu cá nhân của Người gửi tiền và thông tin giao dịch chuyển tiền.

(四) 存戶同意於主管機關核定承辦之業務範圍及本行(含總行及其所屬分行)、通匯行(解款行、轉匯行、匯款行)所在國防制犯罪及反恐法令之特定目的下，得辦理存戶個人資料及匯款交易資訊之蒐集、處理、利用或國際傳輸。

(5) Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Ngân hàng phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân mới được xử lý dữ liệu cá nhân. Người gửi tiền sẽ được thông báo chi tiết nội dung thực hiện tại “THƯ THÔNG BÁO KIỂM GIẤY XÁC NHẬN ĐỒNG Ý THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN”

(五) 依據第 13/2023/ ND-CP 號決議有關個人資料保護法，銀行蒐集、處理、利用個人資料前應經過個人資料當事人(資料主體) 之同意。相關規定，敬請存戶詳閱「越南個人資料保護法告知暨同意書」。

### 13. Xử lý khiếu nại trong sử dụng tài khoản thanh toán.

#### 十三、申訴事件之處理

Trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, nếu có thắc mắc, khiếu nại, Người gửi tiền có thể nộp đơn theo hai hình thức đó là qua điện thoại (sau đó bù đơn khiếu nại cho Ngân hàng) hoặc đến trực tiếp ngân hàng. Những thắc mắc, khiếu nại quá 70 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch, Ngân hàng được phép từ chối xử lý, các thủ tục xử lý khiếu nại phải tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng

存戶於帳戶使用過程中，如有申訴事件，得透過銀行提供管道(電話或臨櫃)提出申訴，惟自交易日起(不含)逾 70 日之申訴案件，銀行得拒絕受理，相關程序依越南法令及本行規定辦理。

### 14. Tạm khóa tài khoản thanh toán

#### 十四、暫時凍結帳戶及解除

Ngân hàng thực hiện tạm khóa tài khoản thanh toán của Người gửi tiền một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán khi có văn bản yêu cầu của chủ tài khoản (hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản) hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản với Ngân hàng. Trong quá trình tài khoản thanh toán tạm khóa cần thực hiện giao dịch nộp rút tiền mặt, thanh toán trong nước, thanh toán nước ngoài, Người gửi tiền cần tuân theo hướng dẫn và thỏa thuận của Ngân hàng.

除存戶尚未履行付款義務或契約另有約定外，銀行得依存戶(或其(法定)代理人、監護人，以下簡 稱

「法律上代理人」)書面申請或契約約定暫時凍結全部或部分帳戶金額之使用。凍結期間內之存、提款、匯出、匯入款項業務及帳戶凍結之解除，均依存戶指示或契約辦理。

## 15. Phong tỏa tài khoản thanh toán

### 十五、帳戶凍結及解除

(1) Ngân hàng được phép thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán của Người gửi tiền trong các trường hợp sau: 1.Có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; 2.Ngân hàng phát hiện nhầm lẫn, sai sót khi ghi có nhầm vào tài khoản thanh toán của Người gửi tiền hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của ngân hàng chuyển tiền; 3.Phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; 4.Có thông báo bằng văn bản của một trong các chủ tài khoản về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung. Ngay sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản hoặc theo hình thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng cho chủ tài khoản biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản bị phong tỏa một phần thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

(一) 銀行於：1.有權機關依法提出書面請求；2.銀行發現入帳錯誤或收到匯款行指示應予退款；3.發現帳戶有詐欺或疑似犯罪；或 4.聯名帳戶之帳戶持有人書面通知產生爭議時，應依指示內容，凍結帳戶之部分或全部金額，並以書面或其他約定方式通知存戶凍結原因及數額。但法律另有規定或契約另有約定者，不在此限。帳戶之一部遭凍結，其他未凍結部分仍得繼續使用。銀行就凍結金額應依規定保持完整及密切監控。

(2) Ngân hàng chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán khi có một trong các điều kiện sau: 1. Kết thúc thời hạn phong tỏa; 2. Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán; 3. Có thông báo bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung về việc tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung đã được giải quyết; 4. Hoặc không có lý do đóng băng nào khác, Ngân hàng cần chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán.

(二) 經凍結之帳戶如有：1.凍結期間屆至；2.主管機關書面通知解除凍結；3.聯名帳戶之持有人書面通知爭議已解決時；或 4.不具備其他帳戶凍結事由者，銀行應解除帳戶之凍結。

## 16. Đóng tài khoản thanh toán

### 十六、帳戶銷戶及餘額結清

(1) Ngoài trường hợp tài khoản bị phong tỏa, bị tịch thu hoặc Người gửi tiền chưa hoàn thành nghĩa vụ có liên quan, Ngân hàng được phép chủ động thực hiện đóng tài khoản thanh toán của Khách hàng trong các trường hợp sau: 1. Có văn bản yêu cầu đóng tài khoản thanh toán của chủ tài khoản; 2. Chủ tài khoản thanh toán của cá nhân bị

chết, bị tuyên bố đã chết, bị mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; 3. Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; 4. Vi phạm cam kết và hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán; 5. Người gửi tiền không duy trì số dư bình quân tối thiểu và không phát sinh giao dịch trong thời gian dài; 6. Hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (không bao gồm quy định về quyền thừa kế).

- (一) 帳戶使用除有遭凍結、扣押或存戶尚未履行義務之情形外，如有下列情形，銀行得主動或依存戶申請辦理銷戶作業：1.存戶本人(或法人戶之法定代表人)以書面申請銷戶；2.帳戶持有人死亡、受死亡宣告、失蹤宣告或喪失民法行為能力；3.實體依法終止營運；4.存戶違反承諾或契約；5.存戶無法維持最小餘額或長時間未交易；或6.其他依法令(包括但不限於繼承規定)或契約之情形者。
- (2) Sau khi đóng tài khoản, Ngân hàng phải thông báo cho chủ tài khoản hoặc người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản biết, trừ trường hợp người làm thủ tục đóng tài khoản là chủ tài khoản hoặc người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản.
- (二) 帳戶銷戶後，銀行應通知存戶或其「法律上代理人」，惟存戶或其「法律上代理人」主動申請者，不在此限。
- (3) Số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán được xử lý như sau: 1. Chi trả theo yêu cầu của chủ tài khoản, người giám hộ và người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản; 2. Chi trả theo quyết định của pháp luật hoặc theo quy định của Ngân hàng.
- (三) 帳戶銷戶後之餘額，應：1.依法交由(或通知)有權人員收取；或2.依法律、契約或本行規定辦理。

## 17. Tài khoản không hoạt động

### 十七、靜止戶

Nếu tài khoản không có giao dịch trong thời gian từ một (01) năm tính từ ngày phát sinh giao dịch cuối cùng (sau đây gọi là “ngày phát sinh giao dịch cuối cùng”) được phân loại là tài khoản không hoạt động; nếu số dư tài khoản bằng 0, Ngân hàng được phép tiến hành đóng tài khoản; nếu số dư trong tài khoản thấp hơn số dư bình quân theo Ngân hàng quy định, ngoài việc tài khoản sẽ chuyển sang tài khoản không hoạt động (DORMANT ACCOUNT), Ngân hàng tiếp tục thu phí quản lý tài khoản cho đến khi số dư bằng 0. Khi tài khoản không hoạt động có yêu cầu tiến hành giao dịch, yêu cầu Khách hàng xuất trình hồ sơ mới nhất liên quan đến tài khoản, sau khi hoàn thành xem xét, tài khoản mới có thể hoạt động bình thường. Bất kỳ sự thay đổi đối với các điều khoản trong thỏa thuận này phải tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định có liên quan của các cơ quan có thẩm quyền, quy định của Ngân hàng.

帳戶如自最後一筆交易執行(即「最後交易日期」)之日起，持續滿一年以上未有任何交易活動者，得將列為靜止戶，如存款餘額為零，銀行得逕行關戶；如其存款金額低於銀行要求之最低平均存款金額者，銀行除得將其轉入靜止戶(DORMANT ACCOUNT)外，並依約扣取每月服務費至於額為零。靜止

戶之存戶重新要求提存匯交易時，銀行得要求存戶提供最新相關證件予銀行審查完成後，始得恢復為正常戶。此項約定若有變動悉依越南法令、有關主管機關之規範及銀行之規定並公告辦理。

#### 18. Quyền miễn trừ trách nhiệm và lý do bất khả kháng.

##### 十八、免責事由與不可抗力

(1) Người gửi tiền đồng ý sử dụng dịch vụ do Ngân hàng cung cấp, Ngân hàng được miễn trừ các trách nhiệm trong các trường hợp xảy ra theo quy định của pháp luật, sự cố của đường truyền, sự phá hoại và sai sót của bên thứ ba hoặc các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, bãi công, đình công và các lý do khác nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng... dẫn đến Ngân hàng không thể thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng

(一) 存戶同意銀行提供之各項服務及業務，如因法令規定、電信線路故障，第三人人為破壞或錯誤、其他不可歸責於銀行之事由或因不可抗力事件、天災、疫症、戰禍、恐怖活動、罷工、停工、自然災害或銀行在合理情況下無法控制之其他原因而致中斷，其中斷與中斷事件所引致之任何損失或因上述情形致銀行無法履行或遲延履行本協議書下之義務者，銀行毋須負責。

(2) Người gửi tiền nhận thức được rủi ro khi có sự biến đổi về tỷ giá hoặc quốc gia ngưng hoạt động mua bán loại ngoại tệ đó và Người gửi tiền phải tự chịu trách nhiệm.

(二) 存戶就本存款具有匯率變動及國家停止兌換之可能風險已有認知，並願自負其責。

#### 19. Thời hạn hiệu lực, thay đổi và chấm dứt hợp đồng.

##### 十九、契約生效、變更及終止

(1) Trừ khi có các quy định khác của pháp luật hoặc các quy định khác của hợp đồng, thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán này có hiệu lực từ ngày lập và tài khoản có hiệu lực từ ngày kích hoạt tài khoản.

(一) 除法律另有規定或契約另有約定外，本協議書自申請日起生效，帳戶自啟用日起生效。

(2) Căn cứ vào nghiệp vụ cần thiết, Người gửi tiền đồng ý rằng Ngân hàng được phép thay đổi các thỏa thuận trong thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán và các nội dung dịch vụ liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn: tăng thêm, điều chỉnh, sửa đổi loại tiền gửi, lãi suất, số dư tối thiểu khi mở tài khoản, số dư bình quân tối thiểu tài khoản thanh toán) và biểu phí dịch vụ, Ngân hàng sẽ công bố công khai thông tin tại Ngân hàng hoặc trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng; Ngân hàng có thể thông báo bằng văn bản cho Người gửi tiền nếu cần thiết. Người gửi tiền không có sự phản đối trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày công bố công khai thông tin thì xem như đồng ý. Nếu có bất kỳ sự phản đối, Người gửi tiền phải thông báo cho Ngân hàng chấm dứt hợp đồng và tiến hành thủ tục đóng tài khoản, trước khi Người gửi tiền chưa thực hiện đóng tài khoản thì bắt buộc phải tuân thủ theo quy định sửa đổi thực hiện.

(二) 存戶同意銀行依業務需要，得增刪變更本協議書約定事項及相關服務內容 (包括但不限於：新增、調整、

修改外匯存款幣別、利率、最低開戶金額、存款最低平均餘額)與手續費收費標準，但銀行應於營業場所及網站上公開揭示，銀行認如有必要時，得以書面或其他方式通知存戶。存戶於三十日內未表示異議者，視為同意。如有異議，應於前開異議期間內通知銀行終止契約並辦理銷戶作業，存戶未完成銷戶作業前，應依修正後規定辦理。

(3) Người gửi tiền vi phạm các điều khoản trong thỏa thuận này, Ngân hàng có thể, tùy theo từng trường hợp, yêu cầu Người gửi tiền tạm thời ngưng giao dịch, chấm dứt dịch vụ liên quan và các biện pháp cần thiết khác (bao gồm nhưng không giới hạn việc đóng tài khoản)

(三) 存戶如有違反本協議書條款之情事時，銀行得依視情節輕重，採行暫時停止交易，終止業務關係或其他必要之措施(包括但不限於銷戶)。

(4) Trừ khi có các quy định khác của pháp luật hoặc quy định khác trong hợp đồng, thỏa thuận này và tài khoản sẽ không có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất việc đóng tài khoản. Sau khi đóng tài khoản, Người gửi tiền muốn sử dụng tài khoản thanh toán phải làm thủ tục mở tài khoản thanh toán theo quy định của Ngân hàng.

(四) 除法律另有規定或契約另有約定外,本協議書及帳戶自銷戶作業完成之日起，失其效力。存戶如要求使用帳戶，應依本行規定重新辦理開戶。

## **II. Hoạt động phòng chống rửa tiền.**

### **貳、防制洗錢作業**

Theo Luật phòng chống rửa tiền và Luật phòng chống khủng bố và các quy định có liên quan, Ngân hàng phải tuân thủ mục đích và hoạt động phòng chống rửa tiền và chống khủng bố, thực hiện các biện pháp có liên quan đối với Người gửi tiền và người liên quan Người gửi tiền (bao gồm nhưng không giới hạn đối với người thụ hưởng thực tế của Người gửi tiền, người quản lý cấp cao, các bên liên quan đến khoản tiền gửi, chẳng hạn như người giám hộ, người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền và đối tượng tham gia giao dịch) trong phạm vi được pháp luật cho phép (bao gồm nhưng không giới hạn định kỳ hoặc không định kỳ phân loại rủi ro, đánh giá khách hàng, v.v...), trong các trường hợp đã thỏa thuận trong điều khoản này, Ngân hàng không chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ thiệt hại nào cho Người gửi tiền hoặc người liên quan Người gửi tiền.

根據洗錢防制法與資恐防制法等相關法令，銀行為執行防制洗錢及打擊資恐之目的與作業，對存戶與存戶關係人（包括但不限於存戶之實質受益人、高階管理人、本存款關係人例如代理人、代表人及被授權人等及交易對象）於法令許可之範圍內執行相關之措施（包括但不限於定期或不定期之審視、調查及申報等），於本條約定各項情形下，銀行均毋須對存戶或存戶關係人負任何損害賠償責任。

**Người gửi tiền đồng ý rằng giữa Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng, công ty nắm giữ tài chính và các công ty con trực thuộc Ngân hàng và các đối tượng khác được cơ quan có thẩm quyền ủy quyền hoặc phê duyệt (sau đây gọi là đối tượng tiếp nhận) được phép truyền tải và sử dụng theo cơ chế bảo mật (bao gồm nhưng**

không giới hạn trong việc cung cấp bất kỳ dịch vụ nào và cho mục đích xử lý dữ liệu, sử dụng, thống kê và phân tích rủi ro), xử lý, sử dụng, chuyển giao và tiết lộ thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền các thông tin giao dịch bị nghi ngờ rửa tiền, hạn chế / trừng phạt kinh tế hoặc thương mại của bất kỳ quốc gia hoặc tổ chức quốc tế nào, Người gửi tiền chịu sự kiểm soát đặc biệt của ngân hàng hoặc liên quan đến mục đích trước đó và bất kỳ thông tin nào liên quan đến giao dịch ngân hàng của Người gửi tiền và người liên quan Người gửi tiền.

存戶同意銀行得將疑似洗錢、受任何國家或國際組織經濟或貿易限制/制裁、具受銀行控管特殊身分或與前揭目的相關之存戶及其與銀行從事任何交易之資料、與存戶及存戶關係人有關之資料在銀行、銀行分支機構、銀行所屬之金融控股公司及其所轄之子公司及其他依法令或經主管機關核准之對象（下稱「收受對象」）間傳遞並作為機密使用（包括但不限於有關任何服務之提供及作為資料處理、利用、統計及風險分析之用），前揭各該收受對象依法令或主管機關之要求得處理、利用、移轉及揭露該等資料。

Nếu Người gửi tiền và người liên quan Người gửi tiền có một trong các trường hợp sau đây, Người gửi tiền đồng ý rằng Ngân hàng không cần phải thông báo cho Người gửi tiền, và các biện pháp sau đây có thể được thực hiện để tuân thủ các luật và quy định liên quan đến phòng chống rửa tiền và chống khủng bố, và nếu Người gửi tiền và Người liên quan Người gửi tiền bị tổn hại hoặc chịu thiệt hại, Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường về các thiệt hại:

存戶與存戶關係人如有以下情形之一者，存戶同意銀行毋須通知存戶，得逕為下列之處理，以遵循防制洗錢及打擊資恐等相關法令規範，倘存戶與存戶關係人因此發生損害或承受不利益均由其自行承擔，銀行不負損害賠償責任：

- (1) Trong trường hợp không vi phạm các luật và quy định có liên quan, Ngân hàng nếu được biết hoặc phải giả định rằng nguồn gốc tiền gửi có từ lòng tham hoặc lạm dụng tài sản công, Ngân hàng sẽ không chấp nhận hoặc chấm dứt quan hệ kinh doanh .
  - (一) 在不違反相關法令情形下，銀行如果得知或必須假定存戶往來資金來源自貪瀆或濫用公共資產時，得不予接受或斷絕業務往來關係。
- (2) Người gửi tiền, người liên quan Người gửi tiền và quốc gia giao dịch là nước chịu các hạn chế/ trừng phạt kinh tế hoặc thương mại; các phần tử, các nhóm khủng bố mà chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế hoặc các thông báo theo quy định đã nhận định hoặc truy tìm; hoặc các quốc gia bị trừng phạt, Ngân hàng phải từ chối giao dịch hoặc hủy tài khoản.
  - (二) 存戶、存戶關係人與交易國家係受經濟或貿易限制/制裁、外國政府或國際洗錢防制組織或依法公告認定或追查之恐怖分子、團體或制裁國家，銀行得拒絕業務往來或逕行銷戶。

(3) Người gửi tiền không hợp tác với Ngân hàng để định kỳ phân loại đánh giá rủi ro khách hàng, từ chối cung cấp thông tin như người thụ hưởng thực tế hoặc người thực hiện quyền kiểm soát đối với Người gửi tiền; không sẵn sàng hợp tác trình bày bản chất và mục đích của giao dịch hoặc nguồn tiền, liên quan đến giao dịch nghi ngờ rửa tiền hoặc khủng bố; hoặc Ngân hàng cho rằng cần thiết (bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu do Người gửi tiền cung cấp hoặc danh tính của Người gửi tiền, tài khoản hoặc giao dịch vẫn được cho rằng là bất thường sau lời giải thích của Người gửi tiền, hoặc phương tiện truyền thông thông tin người gửi liên quan đến một trường hợp vi phạm đặc biệt, v.v..., **Ngân hàng có thể tạm thời ngưng giao dịch, hoặc tạm thời đình chỉ hoặc chấm dứt các dịch vụ liên quan hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết khác.**

(三) 存戶不配合銀行定期或不定期審視、拒絕提供實質受益人或對存戶行使控制權之人等資訊、對交易之性質與目的或資金來源不願配合說明、涉及疑似洗錢或資恐交易、或銀行認為必要時包括但不限於經審查程序認定存戶提供之文件或存戶之身分有疑義者、經存戶說明後仍認定帳戶或交易異常者、或媒體報導存戶涉及違法之特殊案件等), 銀行得暫時停止交易, 或暫時停止或終止業務關係或採行其他必要之措施。

### III. Tuân thủ và thực hiện "Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài"

參、遵循「海外帳戶稅收遵循法」(Foreign Account Tax Compliance Act)

Người gửi tiền đồng ý cung cấp tờ đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài và các tài liệu liên quan khác, và cam kết khi có sự thay đổi, cần chủ động thông báo cho Ngân hàng:

Để tuân thủ Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ (Đạo luật FATCA), Ngân hàng phải xác định Người gửi tiền có phải đối tượng chịu thuế của Hoa Kỳ hay không. Người gửi tiền khi mở tài khoản tại Ngân hàng, nếu là đối tượng chịu thuế của Hoa Kỳ, cần cung cấp W-9 và Thư đồng ý (Waiver) cũng như các tài liệu khai thuế khác của Hoa Kỳ; Người gửi tiền khi mở tài khoản tại Ngân hàng, nếu không phải đối tượng chịu thuế của Hoa Kỳ, cần dựa vào tư cách Người gửi tiền là một cá nhân, pháp nhân, chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức phi lợi nhuận mà cung cấp W-8BEN hoặc W-8BEN-E và các tài liệu khai thuế khác của Hoa Kỳ, và cam kết sau đó nếu có thay đổi, phải chủ động thông báo cho Ngân hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày thay đổi, và tuân theo các quy định có liên quan. Nếu Người gửi tiền vi phạm thỏa thuận này, dẫn đến thu nhập từ nguồn Hoa Kỳ bị khấu trừ hoặc phát sinh bất kỳ khoản thuế nào, Ngân hàng không chịu trách nhiệm; đồng thời nếu Ngân hàng phải chịu bất kỳ thiệt hại nào (bao gồm nhưng không giới hạn xử phạt của cơ quan có thẩm quyền hoặc yêu cầu bồi thường của đối tác giao dịch) do Người gửi tiền phải chịu trách nhiệm theo điều khoản này, Người gửi tiền đồng ý chịu mọi trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Người gửi tiền đồng ý rằng nếu vi phạm thỏa thuận này, Người gửi tiền phải tắt toán tài khoản trong vòng một tháng sau khi có thông báo của Ngân hàng, nếu quá hạn chưa tắt toán, Ngân hàng sẽ chấm dứt thỏa thuận này và thực hiện tắt toán tài khoản.

存戶同意提供下列稅務聲明等相關文件，並承諾嗣後身分異動，應主動通知銀行：

銀行為遵循美國「海外帳戶稅收遵循法」( Foreign Account Tax Compliance Act，簡稱 FATCA 法案) 規範，須辨識存戶是否具有美國應稅身分，存戶於銀行開立帳戶時，若具有美國應稅身分，應提供 W-9 及同意書 ( Waiver ) 等美國稅務聲明文件；存戶若開戶時未具美國應稅身分，應分別依其為自然人、法人、外國政府及非營利組織之身分，提供 W-8BEN 或 W-8BEN-E 等美國稅務聲明文件，並承諾嗣後倘有身分異動，應於異動後 30 天內主動通知銀行，並依上開相關規定辦理。存戶若違反本條約定，致其美國來源所得遭扣繳，或衍生任何稅務，銀行概不負責，且銀行若因存戶依本條有可歸責之事由受有任何損害(包括但不限於主管機關之處罰或遭交易對手求償)，存戶同意無條件負擔一切損害賠償責任。存戶並同意若違反本條約定，存戶應於銀行通知後一個月內結清帳戶，逾期末辦理，銀行得逕行終止本協議書並辦理銷戶。

#### IV. Các điều khoản khác

##### 肆、其他事項

##### 1. Những điều khoản khác chưa nêu trên hợp đồng

##### 一、未盡事宜

(1) Giấy đề nghị và hợp đồng mở tài khoản và các chứng từ đính kèm là một phần của thỏa thuận này. Nếu có bất kỳ vấn đề chưa đề cập đến, hai bên có thể bổ sung bằng văn bản thỏa thuận khác; nếu không đáp ứng được thỏa thuận, thì sẽ tuân thủ quy định của pháp luật hoặc quy định Ngân hàng thực hiện.

(一) 本行開戶申請書暨相關附件視為協議書之一部分。本協議書如有未盡事宜，雙方得另以書面協議補充之；未為協議或協議不成者，悉依相關法令及銀行自訂之作業規定辦理。

(2) Người gửi tiền đã ký Giấy đề nghị và hợp đồng mở tài khoản thì xem như đã đồng ý với các điều khoản trong thỏa thuận này, đồng thời Người gửi tiền sẽ nhận được một (01) bản sao thỏa thuận.

(二) 存戶於開戶申請書上簽名者，視為同意本協議書各項條款，且已收執本協議書副本。

##### 2. Giải thích hợp đồng

##### 二、契約解釋

Thỏa thuận này được lập thành hai bản tiếng Hoa và tiếng Việt, tuy nhiên trong trường hợp có sự khác biệt thì bản tiếng Việt sẽ được sử dụng làm căn cứ.

本協議書以中、越文二種語言作成，如中、越文版本有任何出入或不一致時，應以越文版本為主。

3. Đối với khách hàng là cá nhân, trong trường hợp có sự khác biệt giữa phiên bản tiếng Hoa và tiếng Việt của Thỏa thuận này, thì sẽ tuân thủ theo luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15.

三、客戶如為個人，本約定書中、越文二種語言內容不一致時，應依據 19/2023/QH15 消費者保護法辦理。

##### 4. Luật chi phối

#### 四、準據法及管轄法院

Thỏa thuận này được chi phối bởi luật Việt Nam, nếu hai bên có xảy ra bất tranh chấp nào liên quan đến thỏa thuận này, tòa án tại Việt Nam sẽ là tòa án phán quyết.

本協議書之準據法為越南法令，如因本協議書條款涉訟者，以越南法院為管轄法院。